

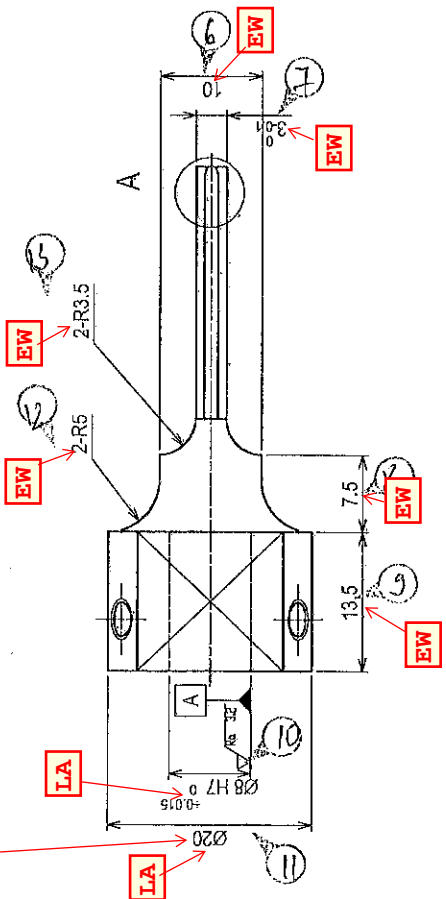
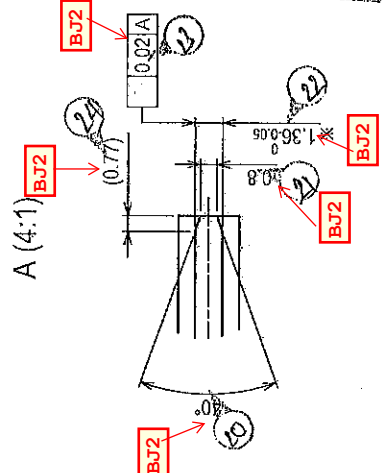
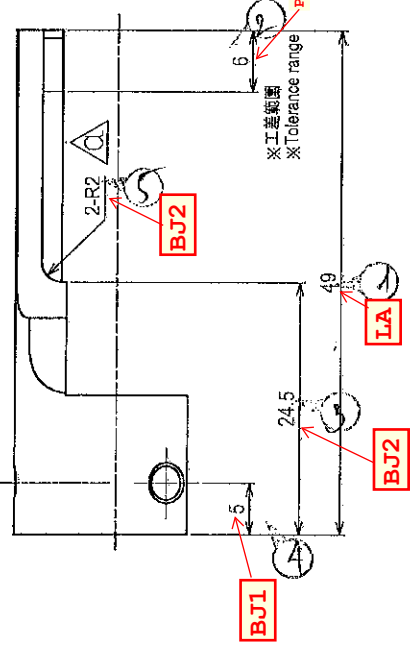
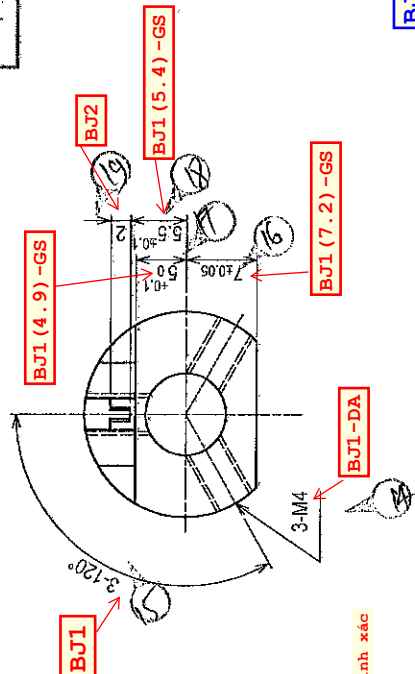
414 310 0186
LA CONG - 14/01/2024

XUẤT BẢN VẼ	CUTTING TOLERANCE
BẢN VẼ DÙNG CHẾ TẠC - NGHIỆM THU	0.5 ≤ .6 ± 0.1 6 < .5 30 ± 0.2 30 < .5 120 ± 0.3 120 < .5 400 ± 0.5
HỮY SÁU KHI HOÀN TẤT ĐỒ MỌT COPY	TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES TO DIMENSIONS
2023.10.13	FINISH MARKS
P QLKTSX VDM	SPOB No 32 AL 02

REV.	DATE	DESCRIPTION
Init.	2022/11/09	方法編記
△	2023/03/31	方法編記
△		
△		

--

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
CHEN_YING_FUH	SUS303		部品図 PART DRAWING	ストレートコアピン STRAIGHT CORE PIN
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図 部品図	可動側溝 可動側溝
Wen_Hsien_Jui		2:1	部品図 部品図	可動側溝 可動側溝
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Wen_Hsien_Jui	HRC ~	A3	2022/11/09	S859867



註: A部は $\nabla \frac{\text{SPR}}{\text{Rt}} \frac{\text{U2}}{\text{U2}}$ 仕上げとし、機械加工時 $\nabla \frac{\text{Rt}}{\text{Rt}} \frac{\text{32}}{\text{32}}$ 仕上げのこと

BJ2 lắp đồ gá gia công
Đồ gá liên hệ Hoàng 12329

LA gia Ø20 cho đồng tâm với Ø8

SNO: **S859867**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: Ø20*55	LA:30 BJ1:40 DA:15 GS:40 EW:75 BJ2:40 AF:15 KT